TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: 69/2023/KDTM-PT Ngày 29 - 6 - 2023 V/v Tranh chấp hợp đồng hợp tác.	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

***- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hoàng Thanh Dũng;

Các Thẩm phán: Ông Phan Tô Ngọc;

Ông Phạm Trí Tuấn.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trịnh Thị Phương Thảo - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Trần Đăng Ry - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 6 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 34/2023/TLPT-KDTM ngày 20 tháng 3 năm 2023 về việc "Tranh chấp hợp đồng hợp tác".

Do Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 1746/2022/KDTM-ST ngày 29 tháng 9 năm 2022 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 1843/2023/QĐ-PT ngày 07 tháng 6 năm 2023, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Phạm Quang D (D Quang Pham), sinh năm 1969; Địa chỉ: C CT S J CA95135 USA.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Bà Nguyễn Bảo Ng, sinh năm 1992; Địa chỉ: đường H, Phường 7, quận P, Thành phố Hồ Chí Minh, (Văn bản ủy quyền công chứng số 000461, quyển số 07-SCT/CK, CĐ ngày 16/7/2019 tại Văn phòng Công chứng V). (có mặt)

- *Bị đơn:* Công ty cổ phần Đầu tư Thương mại T

Địa chỉ: đường Ng, phường V, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn: Bà Võ Thị O, sinh năm 1997; Địa chỉ: đường P, Phường 2, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh, (Văn bản ủy quyền không số và không ngày tháng, năm 2019). (vắng mặt)

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1/. Ông Phan Thanh H, sinh năm 1971.

Địa chỉ: chung cư N, Phường 1, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Nguyễn Thị Nh, sinh năm 1989; Địa chỉ: đường P, Phường 2, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh, (Văn bản ủy quyền công chứng số 005673, quyển số 01/2021 TP/CC-SCC/HĐGD ngày 01/6/2021 tại Văn phòng công chứng T). (vắng mặt)

2/. Bà Hoàng Thị Anh Th, sinh năm 1964. (vắng mặt)

Địa chỉ: đường Th, phường P, thành phố Th1, tỉnh Bình Dương.

- *Người kháng cáo:* Ông Phạm Quang D (D Quang Pham) – nguyên đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn trình bày:

Vào năm 2015, ông Phan Thanh H có mời chào ông Phạm Quang D (D Quang Pham) hùn vốn cổ phần nhằm trở thành cổ đông nhà hàng L. Do quan hệ quen biết và tin tưởng vào việc ông H sẽ thông qua Công ty của mình là Công ty cổ phần Đầu tư Thương mại T (sau đây gọi tắt là Công ty T) để đại diện mua cổ phần của nhà hàng L và phân chia số cổ phần, tỷ lệ cổ đông theo thỏa thuận. Ngày 12/02/2015, ông D và Công ty T do ông Phan Thanh H là đại diện pháp luật, đã thỏa thuận ký kết Hợp đồng Hợp tác Cổ đông Nhà hàng số 01-2015/HDHTCD-T (sau đây gọi tắt là Hợp đồng số 01). Theo đó, thông qua Công ty T, ông D sẽ dùng số tiền 42.000 USD để nhận 30% giá trị cổ đông nhà hàng L tại đường Đ, Quận 1, Thành phô Hồ Chí Minh.

Thực hiện hợp đồng, ông D đã thanh toán tổng số tiền 43.000 USD thành 2 lần: Lần 1 vào ngày 17/02/2015, ông D nhờ bà Hoàng Thị Anh Th (CMND số 280975927) giao trực tiếp 30.000 USD cho ông Phan Thanh H (có biên bản xác nhận) tại Việt Nam; Lần 2 vào ngày 13/3/2015, ông D chuyển 13.000 USD vào tài khoản Phan Thanh H tại Ngân hàng M chi nhánh S, số tài khoản này được ghi cụ thể trên hợp đồng hợp tác.

Vào thời điểm ký kết hợp đồng, do không hiểu biết đầy đủ về các quy định pháp luật nên các bên đã thỏa thuận và thanh toán khoản tiền mua cổ phần trên bằng ngoại tệ (đô la Mỹ). Hơn nữa, kể từ thời điểm ông D thanh toán toàn bộ số tiền 43.000 USD để nhận 30% giá trị cổ đông nhà hàng L nhưng đến nay ông D vẫn không nhận được bất cứ thông tin hay yêu cầu thực hiện thủ tục nào để nhận 30% giá trị cổ đông nêu trên, cũng như các thông tin về hoạt động của nhà hàng L với tư cách là cổ đông của nhà hàng.

Năm 2018, ông D đã nhiều lần liên hệ ông Phan Thanh H và Công ty T nhằm thực hiện thỏa thuận nhưng không liên hệ được, bản thân ông D cũng

không thể sắp xếp thời gian trở về Việt Nam để xem xét việc thực hiện hợp đồng. Nhận thấy, không thể tiếp tục thực hiện việc hùn vốn mua cổ phần Nhà hàng L và Hợp đồng bị vô hiệu do vi phạm điều cấm được quy định tại Điều 22 Pháp lệnh Ngoại hối và Điều 128 Bộ luật Dân sự năm 2005, ông D đã liên hệ trao đổi với người đại diện pháp luật tại thời điểm đó của Công ty T là ông Phan Thanh H đồng thời cũng là cá nhân trực tiếp nhận 43.000 USD để yêu cầu ông H cũng như Công ty T hủy bỏ hợp đồng, hoàn trả lại 43.000 USD mà ông D đã chuyển cho ông Phan Thanh H theo hợp đồng đã ký kết trên.

Tuy nhiên, ông H đã cố tình trốn tránh trách nhiệm, không hoàn trả số tiền trên cho ông D. Đến tháng 11/2018, ông H không còn là đại diện theo pháp luật của Công ty T nên ông D đã gửi thêm yêu cầu hoàn trả lại số tiền 41.000 USD đến trực tiếp Công ty T nhưng vẫn không nhận được bất kỳ phản hồi nào. Việc Công ty T trốn tránh không thực hiện nghĩa vụ hợp đồng, chiếm giữ khoản tiền 43.000 USD từ năm 2015 đến nay đã ảnh hưởng nghiêm trọng đến quyền, lợi ích hợp pháp của ông D, hành vi này là hoàn toàn trái quy định của pháp luật hiện hành.

Ngày 09/4/2019, nguyên đơn khởi kiện bị đơn đến Toà án, yêu cầu:

Tuyên Hợp đồng số 01 vô hiệu do vi phạm điều cấm của luật theo quy định tại Điều 128 Bộ luật Dân sự năm 2005.

Buộc Công ty T hoàn trả một lần số tiền 43.000 USD (với tỷ giá tạm tính 1 USD = 23.255 đồng) tương đương 999.965.000 đồng theo quy định tại Điều 137 Bộ luật Dân sự 2005 và tiền lãi phát sinh cho đến khi thanh toán hết nợ gốc theo quy định tại Điều 357 và Điều 468 Bộ luật Dân sự, lãi suất 10%/năm, tạm tính thời gian chậm trả từ tháng 5/2015 đến đầu tháng 01/2019 là 374 986.875 đồng.

Trong quá trình giải quyết vụ án, người đại diện hợp pháp của bị đơn trình bày:

Công ty cổ phần Đầu tư thương mại T không có phần vốn góp tại nhà hàng L, địa chỉ đường Đ, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh. Công ty không biết việc nhận tiền này và số tiền này không được chuyển vào tài khoản của công ty hoặc ghi vào sổ tiền mặt của công ty. Trong quá trình điều hành, ông Phan Thanh H có nhiều sai phạm nên công ty đã chấm dứt việc điều hành của ông H. Công ty không đồng ý với yêu câu khởi kiện của ông Phạm Quang D về việc yêu cầu công ty hoàn trả một lần số tiền 43.000 USD và tiền lãi phát sinh. Đề nghị Toà án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh giải quyết vụ việc theo đúng quy định pháp luật; đồng thời làm rõ có hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản của ông Phan Thanh H trong vụ việc này hay không.

Người đại diện hợp pháp của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Phan Thanh H không có ý kiến.

Trong quá trình giai quyết vụ án, người đại diện hợp pháp của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Hoàng Thị Anh Th trình bày:

Ông Phạm Quang D (tên thường gọi là D) là bạn của con trai bà Th nên hai bên có quen biết nhau. Năm 2015, ông D có ý định đầu tư mở nhà hàng tại Thành phố Hồ Chí Minh, để thuận tiện ông D có nhờ bà Th gửi cho ông Phan Thanh H là đối tác của ông D tiền mặt 30.000 USD (Ba mươi ngàn đô la Mỹ) đồng thời ông D sẽ trả số tiền trên cho con bà Th đang du học tại Hoa Kỳ. Ngày 17/02/2015, bà Th giao trực tiếp 30.000 USD cho ông Phan Thanh H, có ký biên nhận cùng ngày, các thông tin về việc đầu tư của ông D Phạm Quang D bà Th không được biết.

Tại phiên toà sơ thẩm, nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, cụ thể:

Tuyên Hợp đồng số 01 vô hiệu do vi phạm điều cấm của luật theo quy định tại Điều 128 Bộ luật Dân sự năm 2005.

Buộc Công ty cổ phần Đầu tư Thương mại T hoàn trả một lần số tiền 43.000 USD (tỷ giá tạm tính 1 USD = 23.565 đồng, theo tỷ giá hối đoái niêm yết ngày 28/9/2022 của V) tương đương 1.013.295.000 đồng.

Bồi thường thiệt hại phát sinh do chậm nghĩa vụ thanh toán là khoản tiền lãi chậm trả tính từ thời điểm Công ty T nhận tiền với mức lãi suất 10%/năm theo quy định tại Điều 357 và Điều 468 Bộ luật Dân sự, tạm tính đến ngày 28/9/2022 là 763.925.651 đồng.

Tại Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 1746/2022/KDTM-ST ngày 29/9/2022, Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đã quyết định:

Áp dụng điểm b khoản 1 Điều 122, Điều 127, Điều 128 Bộ luật Dân sự năm 2005; khoản 13 Điều 4, khoản 1 Điều 12, Điều 22 của Pháp lệnh ngoại hối số 07/2013/VBHN VPQH ngày 11/7/2013; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án;

Tuyên xử:

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Phạm Quang D (D Quang Pham).

Tuyên Hợp đồng Hợp tác cổ đông Nhà hàng số 01-2015/HDHTCD- T ngày 12/02/2015 giữa ông Phạm Quang D (D Quang Pham) và Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại T là giao dịch dân sự vô hiệu.

Không chấp nhận yêu cầu của ông Phạm Quang D (D Quang Pham) về việc buộc Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại T hoàn trả lại cho ông Phạm Quang D (D Quang Pham) một lần số tiền 1.013.295.000 đồng tương đương 43.000 USD (tỷ giá tạm tính 1 USD = 23.565 đồng, theo tỷ giá hối đoái niêm yết ngày 28/9/2022 của V) và tiền lãi phát sinh cho đến khi thanh toán hết nợ

gốc, lãi suất 10%/năm, tạm tính thời gian chậm trả từ ngày nhận tiền đến ngày 28/9/2022 là 763.925.651 đồng.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí, việc thi hành án và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 12/10/2022, nguyên đơn ông Phạm Quang D có đơn kháng cáo đề nghị sửa bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa phúc thẩm, người đại diện theo ủy quyền của ông Phạm Quang D (D Quang Pham) trình bày vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm giải quyết vụ án:

Về chấp hành pháp luật: Hội đồng xét xử phúc thẩm tiến hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án.

Về nội dung: Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết là có căn cứ, đúng quy định pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét thẩm tra, kết quả hỏi, tranh tụng tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện các chứng cứ, ý kiến của các đương sự, ý kiến của Kiểm sát viên. Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định như sau:

[1]. Về hình thức: Đơn kháng cáo của ông Phạm Quang D (D Quang Pham) làm trong hạn luật định, được Hội đồng xét xử xem xét giải quyết theo trình tự phúc thẩm.

[2]. Về nội dung:

[2.1]. Ngày 12/02/2015, ông Phạm Quang D (D Quang Pham) và Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại T ký kết Hợp đồng Hợp tác cổ đông Nhà hàng số 01-2015/HDHTCD-T; hợp đồng do ông Phan Thanh H đại diện theo pháp luật của Công ty T ký tên, đóng dấu Công ty. Theo Phiếu cung cấp thông tin đăng ký doanh nghiệp ngày 29/8/2022 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cung cấp xác định ông Phan Thanh H là đại diện pháp luật của Công ty khi đăng ký lần đầu ngày 01/10/2014 đến ngày 13/11/2018 (đăng ký thay đổi lần 6). Do đó, có căn cứ xác định Hợp đồng số 01 được ký kết giữa ông Phạm Quang D (D Quang Pham) và Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại T là có thật.

[2.2]. Theo nội dung của Hợp đồng Hợp tác cổ đông Nhà hàng số 01-2015/HDHTCD-T ngày 12/02/2015 thì mục đích của hợp đồng hợp tác là "cùng nhau hợp tác làm ăn, mua lại cổ đông nhà hàng L", đây là hoạt động "đầu tư gián tiếp nước ngoài vào Việt Nam" theo khoản 13 Điều 4 Pháp lệnh ngoại hối số

07/2013/VBHN-VPQH ngày 11/7/2013. Theo quy định tại khoản 1 Điều 12 Pháp lệnh ngoại hối số 07/2013/VBHN-VPQH thì *"Nhà đầu tư nước ngoài là người không cư trú phải mở tài khoản đầu tư gián tiếp bằng đồng Việt Nam để thực hiện đầu tư gián tiếp tại Việt Nam. Vốn đầu tư gián tiếp bằng ngoại tệ phải được chuyển sang đồng Việt Nam để thực hiện đầu tư thông qua tài khoản này".* Nguyên đơn là nhà đầu tư nước ngoài nhưng không thực hiện việc mở tài khoản theo quy định, chuyển tiền cho ông Phan Thanh H 02 lần bằng đồng đô la Mỹ, do đó giao dịch giữa các bên là trái pháp luật, vi phạm Điều 22 Pháp lệnh ngoại hối số 07/2013/VBHN-VPQH. Vì vậy, việc nguyên đơn khởi kiện yêu cầu tuyên vô hiệu Hợp đồng Hợp tác cổ đông Nhà hàng số 01-2015/HDHTCD-T là có căn cứ chấp nhận.

[2.3]. Đối với yêu cầu của nguyên đơn về việc buộc bị đơn hoàn trả lại số tiền 43.000 USD và lãi phát sinh:

Số tiền 13.000 USD được nguyên đơn chuyển cho ông Phan Thanh H thông qua Ngân hàng M vào ngày 13/3/2015. Tuy nhiên, thông tin chuyển tiền từ lịch sử giao dịch chỉ thể hiện người nhận là Phan Thanh H tại Ngân hàng M mà không có nội dung chuyển khoản, không có số tài khoản cụ thể, trùng khớp với số tài khoản thể hiện trong Hợp đồng hợp tác nên không có cơ sở xác định số tiền 13.000 USD mà nguyên đơn chuyển cho ông H ngày 13/3/2015 là để thực hiện Hợp đồng số 01.

Đối với số tiền 30.000 USD nguyên đơn nhờ bà Hoàng Thị Anh Th giao trực tiếp cho ông Phan Thanh H tại Việt Nam vào ngày 17/02/2015. Theo Biên nhận đề ngày 17/02/2015 (viết tay) có nội dung *"tôi tên: Phan Thanh H, cư ngụ: 01 lô C c/c N, CMND: 022101588, cấp ngày: 12-1-2012. Hôm nay tôi có nhận của chị Th số tiền là: 30.000 USD (ba mươi ngàn đô la chẵn). Người nhận Phan Thanh H (ký tên)* ". Theo đó, nội dung biên nhận chỉ thể hiện ông H nhận 30.000 USD từ bà Th mà không rõ nội dung nhận tiền làm gì, không thể hiện bà Th đưa tiền thay cho nguyên đơn theo Hợp đồng số 01. Do đó, không có cơ sở xác định số tiền 30.000 USD mà ông H nhận từ bà Th ngày 17/02/2015 là để thực hiện Hợp đồng số 01.

Trong khi đó, phía bị đơn Công ty T không thừa nhận việc biết và nhận số tiền này. Ông Phan Thanh H cũng không xác định có nhận số tiền này và chuyển cho Công ty T nên không có cơ sở buộc Công ty T trả cho nguyên đơn 43.000 USD và tiền lãi phát sinh.

Tòa án cấp sơ thẩm bác yêu cầu của nguyên đơn về việc buộc bị đơn thanh toán các khoản tiền trên và giành quyền khởi kiện cho nguyên đơn yêu cầu giải quyết tranh chấp với ông Phan Thanh H bằng vụ án khác là có căn cứ.

[2.4]. Từ nhận định nên trên, Hội đồng xét xử xét thấy Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết có căn cứ, đúng quy định pháp luật. Kháng cáo của ông Phạm Quang D (D Quang Pham) không có căn cứ chấp nhận; cần giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[3]. Do kháng cáo không được chấp nhận nên ông Phạm Quang D phải chịu án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Không chấp nhận kháng cáo của ông Phạm Quang D (D Quang Pham). Giữ nguyên Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 1746/2022/KDTM-ST ngày 29 tháng 9 năm 2022 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

Áp dụng điểm b khoản 1 Điều 122, Điều 127, Điều 128 Bộ luật Dân sự năm 2005; khoản 13 Điều 4, khoản 1 Điều 12, Điều 22 của Pháp lệnh ngoại hối số 07/2013/VBHN VPQH ngày 11/7/2013; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án;

Tuyên xử:

1/. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Phạm Quang D (D Quang Pham).

Tuyên Hợp đồng Hợp tác cổ đông Nhà hàng số 01-2015/HDHTCD- T ngày 12/02/2015 giữa ông Phạm Quang D (D Quang Pham) và Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại T là giao dịch dân sự vô hiệu.

2/. Không chấp nhận yêu cầu của ông Phạm Quang D (D Quang Pham) về việc buộc Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại T hoàn trả lại cho ông Phạm Quang D (D Quang Pham) một lần số tiền 1.013.295.000 đồng tương đương 43.000 USD (tỷ giá tạm tính 1 USD = 23.565 đồng, theo tỷ giá hối đoái niêm yết ngày 28/9/2022 của V) và tiền lãi phát sinh cho đến khi thanh toán hết nợ gốc, lãi suất 10%/năm, tạm tính thời gian chậm trả từ ngày nhận tiền đến ngày 28/9/2022 là 763.925.651 đồng.

3/. Về án phí sơ thẩm: Ông Phạm Quang D (D Quang Pham) phải chịu 65.316.620 (sáu mươi lăm triệu, ba trăm mười sáu ngàn, sáu trăm hai mươi) đồng nhưng được cấn trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 26.624.778 (hai mươi sáu triệu, sáu trăm hai mươi bốn ngàn, bảy trăm bảy mươi tám) đồng theo Biên lai thu số AA/2018/0014245 ngày 17/5/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh. Ông Phạm Quang D (D Quang Pham) còn phải nộp tiếp 38.691.842 (ba mươi tám triệu, sáu trăm chín mươi mốt ngàn, tám trăm bốn mươi hai) đồng.

4/. Án phí dân sự phúc thẩm: Ông Phạm Quang D (D Quang Pham) phải chịu 2.000.000 (hai triệu) đồng; được khấu trừ 2.000.000 (hai triệu) đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số AA/2021/0003448 ngày 11/11/2022 của Cục Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh vào phần án phí phải chịu.

5/. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân tối cao;
- VKSND cấp cao tại TP.HCM;
- TAND TP.HCM;
- VKSND TP.HCM;
- Cục THADS TP.HCM;
- ĐS (4);
- Lưu VP(3), HS(2).14b.TTPT.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Hoàng Thanh Dũng